

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2024

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mưa Lớn

Ông Võ Văn Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/5/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp TĐ, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp VT, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C do mai mối nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 05/12/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại ấp Vĩnh Trị, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C ham chơi cờ bạc, đá gà không lo làm ăn, không lo cho vợ con, bà đã khuyên ông C nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Năm 2021, ông C bỏ nhà đi,

tuy nhiên bà vẫn sống chung nhà chăm lo cho mẹ chồng cho đến khi mẹ chồng chết, sau khi đám giỗ mẹ chồng xong tháng 8/2023 thì bà và con đã về nhà mẹ ruột bà sinh sống cho đến nay. Trong thời gian 03 năm ly thân đến nay vợ chồng không có hàn gắn được. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông C nên xin ly hôn với ông C.

Về con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/2005. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn quá trình tạo lập hôn nhân giữa ông với bà H như bà H trình bày là đúng. Theo ông thì vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì với nhau. Ông thừa nhận có chơi cờ bạc nhưng ông tự đi làm trả nợ. Trước đây vợ chồng vẫn sống chung với nhau, từ tháng 8/2023 bà H bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Bà H cho rằng thời gian ly thân 03 năm là không đúng. Trước đây, ông đi làm thành phố Hồ Chí Minh sau đó đi tàu biển khoảng 01 tháng mấy, do ông bị đánh chấn thương sọ não, tỉ lệ thương tổn cơ thể là 62%, ông không lao động được nên không có tiền phụ lo cho con đi học. Từ tháng 8/2023 thì bà H bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nguyên nhân bà H bỏ đi là do ông ghen bà H đi ra ngoài nhưng không nói thật với ông nên vợ chồng cự cãi nhau. Ông có nói chuyện khuyên nhưng bà H không chịu về sống chung với ông. Quá trình giải quyết vụ án, ông không đồng ý ly hôn do còn thương bà H. Tuy nhiên tại phiên tòa ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/2005. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn; về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/2005. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: không có, nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Trị, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ

các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 05/12/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C ham chơi cờ bạc không chăm lo vợ con. Bà H đã khuyên ông C nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi. Ông C trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông ghen bà H nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng không có chứng cứ. Bà H trình bày vợ chồng bà đã ly thân khoảng 03 năm nay, ông C thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay, bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông C không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa bà H vẫn cương quyết xin ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa bà H và ông C thực tế đã xảy ra. Do ông C ham chơi cờ bạc, không chăm lo vợ con nên vợ chồng mâu thuẫn với nhau một thời gian dài. Mặc dù ông C bỏ đi thời gian dài nhưng bà H vẫn sống chung mẹ chồng và chăm lo mẹ chồng cho đến khi mẹ chồng mất, sau khi đám giỗ mẹ chồng xong bà H mới bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Cho đến nay bà H vẫn một mình nuôi con học đại học. Ông C và bà H đã sống ly thân với nhau thời gian dài vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C với bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ. Ông C cũng đồng ý ly hôn với bà H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/2005. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.
- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/11/2005. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không yêu cầu giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003181 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã KTT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Doan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Mưa Lớn

Võ Văn Hùng

Nguyễn Thị Đoan Trang